TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **170**/2019/HS-ST
Ngày: 04 -7 -2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tống Thị Điệp

Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/ 2019/HSST-QĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Trường G - Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1983. Tại: LĐ; Nơi cư trú: 169/41/7 đường N, phường 1x, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm B, sinh năm 1930 và con bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1939. Bị cáo có vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1990 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2005 và con nhỏ nhất sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/8/2018, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột – Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Ngọc V (tên gọi khác Tý)** - Sinh ngày 01 tháng 3 năm 1973. Tại: thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 509C đường T, phường 1c, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc N, sinh

năm 1942 và con bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1949. Bị cáo có vợ là Tạ Thanh T2, sinh năm 1971 và có 02 con, con lớn sinh năm 1994 và con nhỏ sinh năm 2002;

Tiền sự: Không.

Tiền án: 03 tiền án

Ngày 27/8/2015 Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự 1999, tại bản án số 37/2015/HSST. Ngày 01/01/2016 chấp hành xong hình phạt.

Ngày 24/5/2016 Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An G xử phạt 01 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự 1999. Ngày 01/01/2017 chấp hành xong hình phạt.

Ngày 21/3/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên G, xử phạt 02 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự 1999, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước đó tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 18/01/2017. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt.

Nhân thân:

Ngày 28/10/1995 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, về tội Gây rối trật tự công cộng.

Ngày 04/01/1997 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, về tội Giả mạo chứng nhận của cơ quan Nhà nước.

Ngày 18/7/2001 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 02 năm 09 tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm, về các tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân.

Ngày 27/9/2004 bị Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/8/2018 đến ngày 22/5/2019 được gia đình bảo lĩnh, thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho gia đình bảo lĩnh, hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Phạm Hữu T. Địa chỉ: số 14A tầng 15 chung cư Đ, đường C, phường T, Quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*)

2. Ông Phạm Trọng S. Địa chỉ: Thôn x, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (*vắng mặt*)

3. Bà Nông Thị H. Địa chỉ: 97/62/24 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (*vắng mặt*)

4. Ông Nguyễn Phúc H. Địa chỉ: 51 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (*vắng mặt*)

5. Bà Nông Thị Thanh H. Địa chỉ: 40/13/14 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (*vắng mặt*)

6. Ông Hoàng Đức T. Địa chỉ: 66/10 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (*vắng mặt*)

7. Ông Trần Quang B. Địa chỉ: Tổ dân phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (*vắng mặt*)

8. Bà Vũ Thị T. Địa chỉ: 169/41/7 N, phường 1x, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh. (*có mặt*)

9. Bà Nguyễn Thị Mỹ T. Địa chỉ: 509 C N, phường 1c, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*)

10. Ông Nông Ngọc H. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk. (*vắng mặt*)

11. Ông Lê Minh H. Địa chỉ: 14 H T, phường N, Quận x, thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*)

12. Ông Hồ Thanh H. Địa chỉ: 155/34 X, phường 1n, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*)

13. Ông Tăng Chiêu N. Địa chỉ: 408 L, phường m, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*)

14. Ông Nguyễn Thọ Phương N. Địa chỉ: VP1 đường C, phường 1l, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*)

15. Ông Trần Anh T. Địa chỉ: A621 Ehome p T, phường TT, Quận s, thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*)

16. Ông Trương Chí C. Địa chỉ: 217/70/29 B, phường h, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*)

17. Ông Chế Minh H. Địa chỉ: 263/8 Liên tỉnh f, phường g, Quận h, thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*)

18. Ông Trần Anh T. Địa chỉ: 254/5C C, phường 1x, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*)

19. Bà Đỗ Thị Bích Đ. Địa chỉ: Số 12 đường R xã C, thành phố B tỉnh Đắk Lắk. (*vắng mặt*)

20. Ông Nguyễn Minh T. Địa chỉ: 51/15D/6/36 G, phường P, Quận x, thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*)

21. Ông Phạm Minh S. Địa chỉ: 443/125 L, phường x, Quận v, thành phố Hồ Chí Minh. (*có mặt*)

22. Ông Đoàn Minh T. Địa chỉ: Ấp x, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (*có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2017, thông qua các mối quan hệ xã hội, Phạm Trường G quen biết với Nguyễn Ngọc V, qua tiếp xúc nói chuyện thì V biết G là người sinh hoạt và chơi trong hội xe mô tô phân khối lớn Sài Gòn, G cũng nói cho V biết có nhu cầu làm hồ sơ giả để hợp thức hoá nguồn gốc các xe Mô tô phân khối lớn không rõ nguồn gốc và làm thủ tục đăng ký xin cấp biển kiểm soát tại Phòng Cảnh sát giao thông. V nói với G là làm được các hồ sơ giả để hợp thức hóa nguồn gốc các xe Mô tô phân khối lớn và đồng ý làm hồ sơ cho G. V và G thỏa thuận với nhau 01 bộ hồ sơ xe Mô tô giả sau làm xong thì G phải trả cho V số tiền là 20.000.000 đồng đối với xe dưới 250 cm^3 và 25.000.000 đồng đối với xe trên 250 cm^3. Sau đó, G lên mạng xã hội Facebook đăng bài có nội dung "làm được hồ sơ xe mô tô hải quan chính ngạch và kèm số điện thoại của G". Khi đăng bài thì có 16 người gồm: *Nông Ngọc H, Lê Minh H, Chế Minh H, Trần Anh T, Hồ Thanh H, Tăng Chiêu N, Nguyễn Thọ Phương N, Trần Anh T, Trương Chí C, và 7 người nữa G không nhớ tên và địa chỉ, những người tiếp,* đã gọi điện thoại trực tiếp cho G, cung cấp số khung, số máy và hình ảnh xe Mô tô, mục đích là để nhờ G làm hồ sơ đăng ký xe Mô tô. G đã thoả thuận với những người trên giá làm 01 một bộ hồ sơ, khi đăng ký được cấp biển kiểm soát đối với xe Mô tô có dung tích dưới 250 cm^3 là 40.000.000 đồng còn trên 250 cm^3 là 80.000.000 đồng và được họ đồng ý. Đến tháng 07/2018, G đã cung cấp toàn bộ thông tin của 17 xe Mô tô phân khối lớn này cho V và đề nghị V làm hồ sơ hợp thức hoá nguồn gốc của 17 xe Mô tô nêu trên. Sau khi có được thông tin số khung, số máy và hình ảnh của 17 xe Mô tô (trong đó có 01 xe Mô tô của G). V đã gọi điện cho một người nam giới có tên gọi là Minh (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người có khả năng làm giả giấy tờ nguồn gốc xe mà V quen biết trước đó, Minh hẹn gặp V tại quán Cà phê gần khu vực chợ T, phường TT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi gặp được Minh, V trao đổi và thoả thuận giá với Minh để làm giả giấy tờ, hồ sơ nguồn gốc các xe Mô tô phân khối lớn không rõ nguồn gốc, nghe vậy Minh đồng ý làm cho V, với giá 01 bộ hồ sơ là 25.000.000 đồng, sau khi làm xong thì Minh cho V 2.000.000 đồng/bộ hồ sơ. Khoảng thời gian 10 ngày sau, Minh gọi điện thoại lại cho V và tiếp tục gặp nhau, Minh nói với V là đã có thông tin về hồ sơ các xe Mô tô thanh lý, nhưng hiện Minh chưa có các con dấu của các Cơ quan bán xe Mô tô thanh lý này. Để làm giả hồ sơ, Minh đưa cho V số điện thoại di động 0921444737 của Phạm Hữu T, sinh năm: 1987, trú tại: số 15A1/Pxx, chung cư Đ, đường C, phường T, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, để liên hệ làm các con dấu giả, còn hình mẫu dấu của các Cơ quan thì Minh sẽ cung cấp cho V để đưa cho T làm. Minh đưa cho V 01 tờ giấy A4

trên đó có hình dấu tròn của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (bản photo). Khi có được số điện thoại của T, V đã chủ động gọi cho T và gặp nhau, thỏa thuận để T làm giả con dấu tròn trên. Lúc gặp được T thì V đưa cho T xem hình dấu tròn của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, T đã sử dụng điện thoại của mình gọi qua mạng Zalo theo địa chỉ "Đình Phong" của một người nam giới có tên gọi là Tuấn (chưa rõ nhân thân, lai lịch) và hỏi làm giả mẫu dấu tròn trên thì Tuấn trả lời làm được, khoảng 2 -3 ngày là làm xong giá làm mẫu dấu là 3.000.000 đồng và yêu cầu T chụp hình mẫu dấu gửi qua mạng Zalo để làm, T trao đổi lại với V và được V đồng ý, V thỏa thuận lại với T là khi làm xong mẫu dấu V trả cho T số tiền 3.500.000 đồng, T đã chụp hình mẫu dấu gửi cho Tuấn. Khoảng 3 ngày sau thì Tuấn gọi điện thoại qua mạng Zalo cho T và nói là đã làm xong mẫu dấu rồi, đang thuê người chạy xe thồ mang qua giao và T gọi điện thoại cho V đi đến lấy mẫu dấu đang được mang đến. T nhận mẫu dấu rồi sau đó đưa lại cho V và lấy số tiền 3.500.000 đồng, T trả cho người chạy xe thồ 3.000.000 đồng để đưa lại cho Tuấn, T hưởng lợi số tiền 500.000 đồng. Tiếp tục Minh đưa thêm 03 lần 03 mẫu dấu gồm: Mẫu dấu của Công an huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; mẫu dấu của Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và mẫu dấu của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho Nguyễn Ngọc V để yêu cầu làm giả, mỗi lần làm giả mẫu dấu V đều gọi điện thoại cho T, nhưng T đưa địa chỉ Zalo của Tuấn cho V để V trực tiếp liên hệ cung cấp mẫu dấu photo cho Tuấn, để Tuấn làm giả các mẫu dấu, khi làm xong các mẫu dấu giả thì Tuấn gọi điện thoại bằng mạng Zalo báo cho T biết và thuê người chạy xe thồ cầm mang đến cho T. T không trực tiếp đi nhận mà gọi điện thoại cho Đoàn Minh T, sinh năm: 1995, trú tại: Ấp x, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, làm nghề chạy xe thồ Grap đi nhận và giao lại cho Nguyễn Ngọc V, lấy tiền và trả cho người chạy xe thồ cầm về đưa lại cho Tuấn. Khi nhận được các mẫu dấu giả xong thì V gọi điện thoại gặp T và trả công cho T, mỗi mẫu dấu là 500.000 đồng. Tổng cộng T hưởng lợi bất chính số tiền chênh lệch là: 2.000.000 đồng, Tuấn hưởng lợi bất chính số tiền là: 12.000.000 đồng. Sau khi có được 04 con dấu, V yêu cầu G cung cấp thông tin số khung, số máy, hình ảnh và tên tuổi, địa chỉ của những người đứng tên chủ sở hữu các xe Mô tô phân khối lớn để V thực hiện làm giả nguồn gốc của các xe Mô tô cho G. Sau đó, G lấy chứng minh nhân dân photo cung cấp thông tin, tên, địa chỉ của 06 người tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk gồm: *Nông Thị H, sinh năm: 1984, trú tại: số 97/62/xx Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên 03 hồ sơ xe mô tô; Nông Thị Thanh H, sinh năm: 1982, trú tại: số 40/13/1b H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên 02 hồ sơ xe mô tô; Nguyễn Phúc H, sinh năm: 1988, trú tại: Tổ dân phố x, thị trấn E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên 04 hồ sơ xe mô; Hoàng Đức T, sinh năm: 1984, trú tại: số 66/1v L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên 03 hồ sơ xe mô tô; Trần Quang B, sinh năm: 1986, trú tại: Tổ dân phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên 02 hồ sơ xe mô tô; Đỗ Minh T, sinh năm 1987, trú tại Thôn x, xã Eh, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên 03 hồ sơ xe mô tô*. 06 người nêu trên sẽ đứng tên chủ sở hữu của 17 chiếc xe Mô tô phân khối lớn (trong đó có 01 chiếc của G), cùng với thông tin số khung, số máy, hình ảnh của 17 xe mô tô. V cũng đề nghị G đưa tiền để làm hồ sơ,

như đã thoả thuận từ ban đầu, G đi đến Phòng giao dịch Cộng Hòa thuộc Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh chuyển qua tài khoản 00710012281xx vào ngày 21/6/2018 và 04/7/2018 cho V số tiền 380.000.000 đồng. Có được các thông tin và tiền, V liên hệ với anh Nguyễn Nhất D, sinh năm: 1966, là giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTT, địa chỉ kinh doanh tại số 685/65/18 Khu phố x, phường B, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai, thoả thuận mua 16 tờ hóa đơn GTGT ghi nội dung xuất bán xe Mô tô hai bánh phân khối lớn đã qua sử dụng, thông tin ghi trên hoá đơn Giá trị gia tăng (GTGT) được V cung cấp cho anh D qua mạng xã hội Zalo và được anh D đồng ý. Sau đó, Nguyễn Ngọc V đã ghi thông tin cần mua hoá đơn GTGT ra tờ giấy và chụp lại bằng điện thoại di động rồi gửi qua mạng xã hội Zalo cho anh D. Trong tháng 07/2018, Nguyễn Nhất D nhờ kế toán của công ty tên Đào (chưa rõ nhân thân, lai lịch) viết 16 tờ hoá đơn GTGT vào các thời điểm khác nhau với nội dung bán xe Mô tô phân khối lớn khác nhau, mỗi tờ hoá đơn GTGT D bán cho V với giá 600.000 đồng. Tổng cộng 16 tờ hoá đơn GTGT đã ghi nội dung thì V trả cho anh D số tiền là 9.600.000 đồng. Khi làm xong các hóa đơn GTGT, V đã liên hệ với Minh làm giả 17 bộ hồ sơ nguồn gốc xe Mô tô gồm các tài liệu (Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người vi phạm không đến nhận; Kết luận giám định; Hoá đơn bán tài sản tịch thu, sung công quỹ nhà nước; Bảng kê chi tiết xe mô tô, gắn máy tịch thu; Bảng kê chi tiết hàng hoá kèm theo hoá đơn, bán tài sản tịch thu, sung công quỹ nhà nước; Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá ba bên; chữ ký của Công chứng viên Triệu Kim Em; chữ ký của ông Cao Văn Đước, Chủ tịch thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Tiền Giang; chữ ký của ông Phạm Đức Long và chữ ký của ông Huỳnh Văn Rê, Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; chữ ký của ông Bùi Văn Đạt, Trưởng phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) được đóng dấu của các Cơ quan Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; Công an huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. V cũng giao toàn bộ số tiền 380.000.000 đồng cho Minh, nhưng Minh chưa trích lại số tiền 34.000.000 đồng cho V như đã thỏa thuận từ ban đầu, vì Phạm Trường G đang còn nợ lại V số tiền 45.000.000 đồng. Khi làm hoàn thiện 17 bộ hồ sơ xe mô tô phân khối lớn mua bán đấu giá tài sản, V đã giao toàn bộ hồ sơ này cho G. Khi có được 17 bộ hồ sơ G đã lấy các tờ mẫu khai đăng ký xe, tự viết và ký tên chủ sở hữu vào mục chủ xe. Đến cuối tháng 07/2018, G đưa 17 bộ hồ sơ giả này đến Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột làm thủ tục kê khai nộp thuế trước bạ và nộp tại Kho bạc nhà nước thành phố Buôn Ma Thuột số tiền 9.834.000 đồng rồi đưa hồ sơ đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk nộp đăng ký chủ sở hữu và xin cấp biển kiểm soát cho 17 xe Mô tô phân khối lớn trên.

Qua kiểm tra hồ sơ, cán bộ đăng ký phát hiện mẫu tờ kê khai đăng ký xe không đúng nên đề nghị G làm lại, G đã nhờ và thoả thuận với Phạm Trọng S, trú tại thôn x, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tự viết và đưa hồ sơ đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk nộp cho G, tiền dịch vụ và tiền đóng lệ phí để

lấy biển kiểm soát xe mô tô, G trả cho anh S là 39.500.000 đồng, anh S đồng ý. Sau đó, anh S đã lấy các tờ kê khai đăng ký cũ cắt số khung, số máy được dán trên đó, hướng dẫn cho vợ là Đỗ Thị Bích Đ viết 17 tờ kê khai đăng ký theo thông tin cũ và tự ký ghi họ tên chủ xe vào mục Chủ xe. Khi làm xong S đã đưa 17 bộ hồ sơ này đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk nộp thay G. Đến ngày 09/8/2018, qua việc kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp biển số xe Mô tô, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện có 17 bộ hồ sơ nghi làm giả Con dấu của cơ quan, tổ chức nên đã liên lạc với S và yêu cầu đưa 17 xe Mô tô có hồ sơ đến để chụp hình ảnh lại. S liên lạc với G và nói cho G biết yêu cầu của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk. Ngày 08/08/2018, G thuê Nguyễn Minh T, trú tại: 41/15D/6/36 G, P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh, điều khiển xe Ô tô bán tải nhãn hiệu Ford Ranger Wildtrak gắn biển kiểm soát 51C-952.80 với giá 4.000.000 đồng để chở 02 chiếc xe Mô tô phân khối lớn gồm: 01 xe Mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CB1100, số máy SC65E1004816, số khung SC651004663 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CB400, số máy NC42E1206593, số khung NC421800576 đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk để kiểm tra chụp ảnh. Qua kiểm tra, tra cứu số khung, số máy của 2 xe Mô tô trên hệ thống quản lý phòng CSGT Công an tỉnh Đắk Lắk không có dữ liệu, nguồn gốc xe nên đã tiến hành tạm giữ toàn bộ 17 hồ sơ và hai xe Mô tô trên, sau đó bàn giao đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét chỗ ở của Phạm Trường G, tại số 169/41/x N, phường R, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Shadow, số máy: RC50E – 1500280, số khung: RC56-1000094; Số tiền 1.080.000 đồng và một số giấy tờ tuỳ thân mang tên Phạm Trường G; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, màu đỏ bạc; 01 máy tính bảng có chữ Ipad màu xám Model A1709; 01 biển số xe PHNOM PENH có chữ số 1GW-0044; 02 chìa khóa có chữ HONDA; 02 tờ giấy A4 có chữ Danh sách xe 04/2018; 02 công văn số 283 và 282/PC67 của Phòng CSGT ĐB-ĐS Công an tỉnh Đồng Nai; 01 hóa đơn bán hàng ngày 06/4/2018. người mua hàng Huỳnh Ngọc P, địa chỉ số 59/1B, Trần Thị T, phường b, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; 06 công văn của Phòng PC67 Công an tỉnh Lâm Đồng số 73, 74, 75, 76, 77, 78 cùng ngày 01/6/2018; 03 tờ khai lệ phí trước bạ có tên người nộp thuế là: Nguyễn Thị Hà M, Nguyễn Phước L, Phạm Toàn T cùng ngày 30/5/2018; 06 quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người vi phạm không đến nhận số 363, 364, 367, 372, 376, 379 đều cùng ngày 06/01/2018 của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; 06 biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 363, 364, 367, 372, 376, 379 đều cùng ngày 06/01/2018 của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Trường G, số 025659063; 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Trường G, số 2101011; 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Phạm Trường G; 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Trí D, theo biển số 53S2-1643; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Trường G, biển số 54M4-1342; 03 biên lai thu tiền phí, lệ phí đường bộ mang tên Nguyễn Thị Hà M; 01 thẻ ATM ngân hàng

Vietcombank mang tên Phạm Trường G; 02 chứng từ giao dịch của ngân hàng Vietcombank; 01 điện thoại di động Iphone, số Imei 354405062595213; 01 điện thoại di động Iphone, số model A1784FCC.

Khám xét chỗ ở của Phạm Trọng S tại thôn x, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã tạm giữ: 07 giấy chứng minh nhân dân bản gốc của 07 người khác nhau; 17 giấy khai đăng ký xe đã bị cắt rách rời; 07 giấy chứng minh nhân dân phô tô đã bị cắt rách rời phần ảnh; 121 sổ hộ khẩu phô tô; 290 giấy chứng minh nhân dân phô tô; 01 cuốn sổ thể hiện việc ghi chép số tiền, có 06 trang; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 044415; 01 máy tính xách tay hiệu Vio-Sony model PCG-71913L màu trắng đen; 01 máy Panasonic, ký hiệu KX-MB1950CX có chức năng in, phô tô Scan màu đen.

Phạm Trọng S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 39.500.000 đồng là tiền mà Phạm Trường G đã trả cho S để viết khống 17 tờ Kê khai đăng ký xe và nộp hồ, đóng tiền lệ phí giúp G tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk.

Cơ quan Điều tra đã tạm giữ của Nguyễn Ngọc V số tiền 5.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia moder RM1172; 01 chứng minh nhân dân số: 022 652919 mang tên Nguyễn Ngọc V. Tạm giữ của Nguyễn Minh T số tiền 1.800.000 đồng. Tạm giữ của Phạm Hữu T: Số tiền 2.000.000 đồng, Tạm giữ của Trần Anh T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CD125, số máy: JA03E-100 0688, số khung: JA03-1000736, màu đen, tạm giữ của Lê Minh H 01 xe mô tô nhãn hiệu Trium PH, loại xe 675, số máy: 6516239, số khung: SMTTMD4166C515169, màu đen.

Tại bản Kết luận giám định số 717/PC09, ngày 17/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CB400, số máy: NC42E1205693, số khung: NC421800576 là số đóng lại, không phát hiện số nguyên thủy.

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Shadow, số máy: RC50E – 1500280, số khung: RC56-1000094 là số đóng lại, không phát hiện số nguyên thủy.

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CB1100, số máy SC65E1004816, số khung SC651004663 là số đóng lại, không phát hiện số nguyên thủy.

Tại bản Kết luận giám định số 895/PC09, ngày 11/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: (BL: 221)

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CD125, số máy: JA03E-1000688, số khung: JA03-1000736, màu đen, số khung, số máy không thay đổi.

- Xe mô tô nhãn hiệu Trium PH, loại xe 675, số máy: 6516239, số khung: SMTTMD4166C515169, màu đen, số khung, số máy không thay đổi.

Tại bản Kết luận giám định số 724/PC09 ngày 17/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: (BL: 215, 216)

- Chữ ký của ông Huỳnh Văn Rê trong các Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 34/BB-TTTVPT, 02/ BB-TTTVPT và 32/ BB-TTTVPT, ngày 15/11/2017 của Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người vi phạm không đến nhận số 48/QĐ-TTTVPT, 29/ QĐ-TTTVPT và số 21/ QĐ-TTTVPT ngày 31/10/2017 so với chữ ký Huỳnh Văn Rê trong các tài liệu mẫu so sánh là không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn của Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính 34/BB-TTTVPT 02/ BB-TTTVPT và 32/ BB-TTTVPT, ngày 15/11/2017 của Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người vi phạm không đến nhận số 48/QĐ-TTTVPT, 29/ QĐ-TTTVPT và số 21/ QĐ-TTTVPT, ngày 31/10/2017 so với hình dấu tròn trong tài liệu mẫu so sánh là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký của ông Cao Thanh Phong và Bùi Văn Đạt trong các Kết luận giám định số 2675/PC54-Đ3, 2674/PC54-Đ3 và 2679/PC54-Đ3, ngày 11/8/2017 so với chữ ký trong các tài liệu so sánh là không phải do cùng một người ký ra.

Hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong các Kết luận giám định số 2675/PC54-Đ3, 2674/PC54-Đ3 và 2679/PC54-Đ3, ngày 11/8/2017 so với hình dấu tròn trong tài liệu mẫu so sánh là không phải do cùng một con dấu đóng ra

Tại bản Kết luận giám định số 769/PC09, ngày 28/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: (BL: 217 – 219)

- Chữ ký của ông Huỳnh Văn Rê trong các Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 21/BB-TTTVPT, 29/BB-TTTVPT, 48/BB-TTTVPT, 38/BB-TTTVPT, 09/BB-TTTVPT, 43/ BB-TTTVPT, 21/BB-TTTVPT ngày 31/10/2017 và 15/ BB-TTTVPT, 06/BB-TTTVPT, 19/BB-TTTVPT, 16/BB-TTTVPT, 01/BB-TTTVPT, 28/BB-TTTVPT, 09/BB-TTTVPT, ngày 15/11/2017 của Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người vi phạm không đến nhận số 38/QĐ-TTTVPT, 43/ QĐ-TTTVPT, 09/BB-TTTVPT ngày 31/10/2017 và số 15/BB-TTTVPT, 06/BB-TTTVPT, 19/BB-TTTVPT, 16/BB-TTTVPT, 01/BB-TTTVPT, 34/BB-TTTVPT, 02/BB-TTTVPT, 28/BB-TTTVPT, 09/BB-TTTVPT, 32/BB-TTTVPT, ngày 15/11/2017 so với chữ ký Huỳnh Văn Rê trong các tài liệu mẫu so sánh là không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn của Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 21/BB-TTTVPT, 29/BB-TTTVPT, 48/BB-TTTVPT, 38/BB-TTTVPT, 09/BB-TTTVPT, 43/ BB-TTTVPT, 21/BB-TTTVPT, ngày 31/10/2017 và 15/ BB-TTTVPT, 06/BB-TTTVPT, 19/BB-TTTVPT, 16/BB-TTTVPT, 01/BB-TTTVPT, 28/BB-TTTVPT, 09/BB-

TTTVPT, ngày 15/11/2017 của Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người vi phạm không đến nhận số 38/QĐ-TTTVPT, 43/ QĐ-TTTVPT, 09/BB-TTTVPT ngày 31/10/2017 và số 15/BB-TTTVPT, 06/BB-TTTVPT, 19/BB-TTTVPT, 16/BB-TTTVPT, 01/BB-TTTVPT, 34/BB-TTTVPT, 02/BB-TTTVPT, 28/BB-TTTVPT, 09/BB-TTTVPT, 32/BB-TTTVPT, ngày 15/11/2017 so với hình dấu tròn trong tài liệu mẫu so sánh là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký của ông Cao Thanh Phong và Bùi Văn Đạt trong các Kết luận giám định số 2656/PC54-Đ3, 2630/PC54-Đ3, 2630/PC54-Đ3, 2639/PC54-Đ3, 2647/PC54-Đ3, 2635/PC54-Đ3, 2632/PC54-Đ3, 2637/PC54-Đ3, 2645/PC54-Đ3, 2660/PC54-Đ3, 2657/PC54-Đ3, 2678/PC54-Đ3, 2669/PC54-Đ3 và số 2650/PC54-Đ3, ngày 11/8/2017 so với chữ ký trong các tài liệu so sánh là không phải do cùng một người ký ra.

Hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong các các Kết luận giám định số 2656/PC54-Đ3, 2630/PC54-Đ3, 2630/PC54-Đ3, 2639/PC54-Đ3, 2647/PC54-Đ3, 2635/PC54-Đ3, 2632/PC54-Đ3, 2637/PC54-Đ3, 2645/PC54-Đ3, 2660/PC54-Đ3, 2657/PC54-Đ3, 2678/PC54-Đ3, 2669/PC54-Đ3 và số 2650/PC54-Đ3, ngày 11/8/2017 so với hình dấu tròn trong tài liệu mẫu so sánh là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản Kết luận giám định số 831/PC09, ngày 28/9/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: (BL: 220)

- Chữ ký của ông Võ Hoàng Bắc trong Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người vi phạm không đến nhận số 376/QĐ-TTTVPT, ngày 06/01/2018 của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước so với chữ ký Võ Hoàng Bắc trong các tài liệu mẫu so sánh là không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước trong Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người vi phạm không đến nhận số 376/QĐ-TTTVPT ngày 06/01/2018 so với hình dấu tròn trong tài liệu mẫu so sánh là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản kết luận giám định số 1073/PC09, ngày 18/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: (BL: 97 – 100)

- Chữ ký mang tên Cao Văn Đước trong các tài liệu cần giám định kí hiệu **A1**, **A18**, **A35** so với chữ ký mang tên Cao Văn Đước trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu **M1**, là không phải do một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "U.B.N.D THỊ TRẤN CÀNG LONG H.CÀNG LONG T.TRÀ V" trong các tài liệu cần giám định kí hiệu **A1**, **A18**, **A35** so với hình dấu tròn có nội dung trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu **M1**, là không phải do cung một con dấu đóng ra.

- Hình dấu vuông "CHỨNG THỰC BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH-Số chứng thực:….quyển số:….TP/CC-STC…..Ngày….tháng….năm – TM.UBND TT.Càng

Long ISO 9001:2008-CHỦ TỊCH" trong các tài liệu cần giám định kí hiệu **A1**, **A18**, **A35** so với hình dấu có cùng nội dung trong tài liệu so sánh kí hiệu **M1** là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu "KT.CHỦ TỊCH – PHÓ CHỦ TỊCH", trong các tài liệu cần giám định kí hiệu **A1**, **A18**, **A35** so với hình dấu có cụng nội dung trong tài liệu so sánh kí hiệu **M1** là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu có nội dung "Cao Văn Đước" trong các tài liệu cần giám định kí hiệu **A1**, **A18**, **A35** so với các hình dấu có cùng nội dung trong các tài liệu so sánh kí hiệu **M1** không phải do một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Triệu Kim Em trong các tài liệu cần giám định kí hiệu từ **A2** đến **A17**; từ **A19** đến **A34**; từ **A36** đến **A51** so với chữ ký mang tên Triệu Kim Em trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu **M2** là không phải do một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1 – SỞ TƯ PHÁP TỈNH TIỀN G"; hình dấu vuông "CHỨNG THỰC BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH-Số chứng thực:….quyển số:….STC/BC…..Ngày….tháng….năm…" và hình dấu "Công chứng viên Triệu Kim Em" trong các tài liệu cần giám định kí hiệu **A2** đến **A17**; từ **A19** đến **A34**; từ **A36** đến **A51** so với các hình dấu có cùng nội dung trong các tài liệu cần mẫu so sánh kí hiệu **M2, M3** là không phải do một con dấu đóng ra.

Tại bản cáo trạng số: 142/CT-VKS ngày 07/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố Phạm Trường G, Nguyễn Ngọc V về tội " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Trường G, Nguyễn Ngọc V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Trường G, Nguyễn Ngọc V phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Trường G mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù giam;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V, mức án từ: 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù giam. Áp dụng thêm Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với Bản án số 10/2017/HSST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên G xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V 02 năm tù giam. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù giam.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Đối với 05 chiếc xe mô tô gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CB400, số máy: NC42E1205693, số khung: NC421800576, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Shadow, số máy: RC50E – 1500280, số khung: RC56-1000094, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CB1100, số máy SC65E1004816, số khung SC651004663, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CD125, số máy: JA03E-1000688, số khung: JA03-1000736, màu đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu Trium PH, loại xe 675, số máy: 6516239, số khung: SMTTMD4166C515169, màu đen, đây là những tài sản liên quan đến hành vi phạm tội, qua xác minh những chiếc xe trên khi mua bán đều không có hợp đồng chuyển nhượng, cũng như các giấy tờ mua bán gì khác, vì đây là các chiếc xe Mô tô không có nguồn gốc, giấy tờ chứng minh chủ sở hữu, vì vậy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại toàn bộ các tài liệu và tài sản này cho anh Phạm Trọng S nhận quản lý và sử dụng: Đối với 07 giấy chứng minh nhân dân bản gốc của 07 người khác nhau; 07 giấy chứng minh nhân dân phô tô đã bị cắt rách rời phần ảnh; 121 sổ hộ khẩu phô tô; 290 giấy chứng minh nhân dân phô tô; 01 cuốn sổ thể hiện việc ghi chép số tiền, có 06 trang; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 044415; 01 máy tính xách tay hiệu Vio-Sony model PCG-71913L màu trắng đen; 01 máy Panasonic, ký hiệu KX-MB1950CX có chức năng in, photo Scan màu đen. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Phạm Trọng S không liên quan đến vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo.

+ Đối với 17 tờ giấy khai đăng ký xe, đã bị cắt rời, tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Phạm Trọng S, đây là những tờ khai do bị cáo Phạm Trường G tự viết ra để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

+ Đối với số tiền 39.500.000 đồng mà Phạm Trọng S tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, số tiền này là tài sản sử dụng vào việc phạm tội của bị cáo Phạm Trường G nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với số tiền 1.080.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân số 025659063; 01 giấy phép lái xe số 2101011; 01 giấy phép lái xe ô tô; 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Trí D, theo biển số 53S2-1643; 01 giấy đăng ký xe mô tô biên kiểm soát, mang tên Phạm Trường G; 03 biên lai thu tiền phí, lệ phí đường bộ mang tên Nguyễn Thị Hà M; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Phạm Trường G; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, màu đỏ bạc; 01 máy tính bảng có chữ Ipad màu xám Model A1709. Là tài sản và giấy tờ tuỳ thân của bị cáo Phạm Trường G không liên quan đến vụ án nên cần trả cho bị cáo G, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc xét xử, thi hành án.

+ Đối với 01 (một) biển số xe PHNOM PENH có chữ số 1GW-0044; 02 (hai) chìa khóa có chữ HONDA không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 03 (ba) tờ khai lệ phí trước bạ có tên người nộp thuế là: Nguyễn Thị Hà M, Nguyễn Phước L, Phạm Toàn T cùng ngày 30/5/2018; 01 (một) hóa đơn bán

hàng ngày 06/4/2018, người mua hàng Huỳnh Ngọc P, địa chỉ số 59/bB, T phường x, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, tạm giữ của bị cáo Phạm Trường G nhưng không còn giá trị sử dụng, nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

+ Đối với 02 tờ giấy A4 có chữ Danh sách xe 04/2018; 02 công văn số 283 và 282/PC67 của Phòng CSGT ĐB-ĐS Công an tỉnh Đồng Nai; 06 công văn của Phòng PC67 Công an tỉnh Lâm Đồng số 73, 74, 75, 76, 77, 78 cùng ngày 01/6/2018; 06 quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người vi phạm không đến nhận số 363, 364, 367, 372, 376, 379 đều cùng ngày 06/01/2018 của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; 06 biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 363, 364, 367, 372, 376, 379 đều cùng ngày 06/01/2018 của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước là các tài liệu liên quan đến vụ án nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei 354405062595213; 01 điện thoại di động Iphone, số model A1784FCC là tài sản bị cáo Phạm Trường G sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với giấy chứng minh nhân dân số 022652919 mang tên Nguyễn Ngọc V và số tiền 5.000.000 đồng là tài sản của bị cáo Nguyễn Ngọc V không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo V, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số moder RM1172, số Imei 1: 357322082075448, số Imei 2: 357322084075446 là tài sản của bị cáo Nguyễn Ngọc V sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với số tiền 2.000.000 đồng là tài sản do Phạm Hữu T giao nộp, đây là tài sản liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với số tiền 1.800.000 đồng, do Nguyễn Minh T, giao nộp, đây là tài sản liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: người có quyền nghĩa vụ liên quan: ông Trương Chí C có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phạm Hữu T, ông Phạm Trọng S, bà Nông Thị H, ông Nguyễn Phúc H, bà Nông Thị Thanh H, ông Hoàng Đức T, ông Trần Quang B, bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Nông Ngọc H, ông Lê Minh H, ông Hồ Thanh H, ông Tăng Chiêu N, ông Nguyễn Thọ Phương N, ông Trần Anh T, ông Chế Minh H, ông Trần Anh T, bà Đỗ Thị Bích Đ, ông Nguyễn Minh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Xét thấy tại cơ quan điều tra những người này đã có lời khai đầy đủ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng tới quá trình giải quyết vụ án. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo: vào tháng 08/2018, Phạm Trường G và Nguyễn Ngọc V đã có hành vi làm giả con dấu, tài liệu, chữ ký của các cơ quan gồm: Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; Công an huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và chữ ký của Công chứng viên Triệu Kim Em; chữ ký của ông Cao Văn Đước, Chủ tịch Thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Tiền Giang; chữ ký của ông Phạm Đức Long và chữ ký của ông Huỳnh Văn Rê, Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; chữ ký của ông Bùi Văn Đạt, Trưởng phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Nhằm mục đích hợp thức hoá nguồn gốc của 17 chiếc xe Mô tô phân khối lớn, đưa đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk làm thủ tục đăng ký xe xin cấp biển kiểm soát. Qua giám định và xác minh thì 17 hồ sơ đăng ký xe đều là giấy tờ giả.

Do đó hành vi của bị cáo Phạm Trường G, Nguyễn Ngọc V đã phạm vào tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Điều 341 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tiền từ 06 tháng đến 02 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a/ Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên".

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Phạm Trường G, Nguyễn Ngọc V phạm tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất mức độ mà các bị cáo Phạm Trường G, Nguyễn Ngọc V gây ra là nghiêm trọng, ảnh hưởng tới xã hội, xâm phạm đến các hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bảo vệ sự an toàn của con dấu và các tài liệu, giấy tờ trên cũng chính là bảo đảm sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước về con dấu và các loại tài liệu, giấy tờ. Các bị cáo đều là người có đủ khả năng nhận thức được hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức là hành vi vi phạm pháp luật. Song do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi cho bản thân nên các bị cáo đã có hành vi cố ý thực hiện làm giả các con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức để hoàn thiện hồ sơ đăng ký giấy phép lái xe cho các xe mô tô phân khối lớn không có giấy tờ hợp pháp. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất mức độ hành vi mà các bị cáo gây ra. Đồng thời cần cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này có hai bị cáo cùng tham gia thực hiện phạm tội. Tuy nhiên tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo này là khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với hành vi của bị cáo Phạm Trường G là người cầm đầu, rủ rê bị cáo Nguyễn Ngọc V phạm tội. Bị cáo G đã trực tiếp liên hệ với bị cáo V để nhờ bị cáo V tìm người làm giả hợp thức hóa nguồn gốc hồ sơ đăng ký xe. Bị cáo cũng là người lên mạng xã hội facebook đăng bài làm được hồ sơ mô tô hải quan chính ngạch để mọi người biết và liên hệ G làm hồ sơ, mỗi một bộ hồ sơ đăng ký đối với xe mô tô dưới 250 cm^3 là 40.000.000 đồng còn trên 250 cm^3 là 80.000.000 đồng. Bị cáo hưởng lợi lớn trên số tiền mỗi một bộ hồ sơ làm giả nếu trót lọt. Trong đó đã có 16 người liên hệ nhờ bị cáo làm và 01 hồ sơ xe của chính bị cáo. Bị cáo là người trực tiếp liên hệ với 16 người này và tìm thông tin, hình ảnh, số khung số máy của các xe mô tô để cung cấp cho V, để từ đó V liên hệ làm hồ sơ giả, sau đó G cũng trực tiếp đi nộp hồ sơ đăng ký xe tại Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk. Do đó mức hình phạt của bị cáo phải cao hơn bị cáo V là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc V là người trực tiếp liên hệ với một người tên Minh (chưa rõ nhân thân lai lịch) để làm 17 hồ sơ giả (16 người và 1 hồ sơ của bị cáo G), đồng thời khi làm bị cáo cũng là người đi liên hệ để làm ra 4 con dấu giả của các cơ quan tổ chức, để đưa cho Minh đóng vào các hồ sơ giả hợp thức hóa nguồn gốc các xe không giấy tờ. Sau khi hoàn thiện hồ sơ giả Minh liên hệ chuyển lại cho bị cáo V thì bị cáo V chuyển lại cho G để G đi nộp hồ sơ đăng ký xe. Mỗi một bộ hồ sơ khi thỏa thuận với G, bị cáo lấy từ 20.000.000 đồng đối với xe dưới

250 cm^3 và 25.000.000 đồng đối với xe trên 250 cm^3. Bị cáo hưởng lợi ít hơn so với bị cáo G nếu hồ sơ trót lọt, do đó mức án của bị cáo V thấp hơn bị cáo G là phù hợp.

[2.2] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét bị cáo Phạm Trường G, Nguyễn Ngọc V tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo này đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Bị cáo Phạm Trường G là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Gia đình bị cáo có bố là ông Phạm Văn B là người được chủ tịch nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì và bằng khen của hội đồng bộ trưởng vì có công với cách mạng, đồng thời bị cáo có bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo cũng là người từng có thời gian tham gia trong quân ngũ đi nghĩa vụ quân sự. Do đó cần xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của nhà nước ta.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc V: Gia đình bị cáo có ông nội Nguyễn Ngọc H được nhà nước chứng nhận là gia đình có công với cách mạng, có bà ngoại là bà mẹ Việt Nam anh hùng và 02 cậu ruột là liệt sĩ. Do đó cần xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của nhà nước ta. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, hiện có 3 tiền án, chưa được xóa án tích đều về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Các bản án năm 2014 và 2015 đối với bị cáo đều không xác định tình tiết tăng nặng là tái phạm do hành vi phạm tội không xác định được làm trong tháng nào mà chỉ xác định đầu năm 2014. Bản án năm 2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên G xử phạt 02 năm tù, khấu trừ thời hạn tạm giam trước đó với bị cáo từ ngày 01/01/2017 đến ngày 18/01/2017, bị cáo chưa chấp hành hình phạt của bản án này, do đó cần xem xét tổng hợp hình phạt đối với bản án số 10/2017/HSST ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên G buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung đối với 2 bản án. Đối với bản án này bị cáo đều chưa được xóa án tích. Do đó bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[2.3] Đối với các con dấu giả của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; mẫu dấu của Công an huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; mẫu dấu của Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và mẫu dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; dấu tên Cao Văn Được; dấu tên Triệu Kim Em; Hình dấu vuông Chứng thực sao y bản chính, Thị trấn Càng Long; Hình dấu tròn có nội dung Phòng công chứng số 1 – Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang; Hình dấu vuông có nội dung chứng thực sao y bản chính - số chứng thực, quyển số, STC/BC, Ngày tháng năm" . Là vật chứng của vụ án, do đối tượng Minh (chưa rõ

nhân thân, lai lịch) cất dấu, nhưng đến nay chưa làm việc được với Minh để thu hồi các con dấu này.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên thì Nguyễn Ngọc V cùng với Nguyễn Nhất D còn có hành vi Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước. D đã xuất 16 tờ hóa đơn GTGT đã ghi nội dung trên các tờ hoá đơn là "bán xe Mô tô hai bánh đã qua sử dụng", nhưng không có hàng hoá như đã ghi trên các tờ hoá đơn GTGT, mục đích là để Nguyễn Ngọc V hợp thức hóa nguồn gốc của các xe Mô tô phân khối lớn. Mỗi tờ hoá đơn Nguyễn Nhất D bán cho Nguyễn Ngọc V với giá là 600.000 đồng. Tổng cộng Nguyễn Nhất D thu lợi bất chính số tiền là: 9.600.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Nhất D và Nguyễn Ngọc V có dấu hiệu của tội mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước, được quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự, xảy ra tại phường B, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã có Công văn trao đổi thông tin tội phạm với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH, tỉnh Đồng Nai, đề nghị khởi tố vụ án, khởi tố bị can và giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền, là phù hợp.

Quá trình điều tra, Phạm Trường G và Nguyễn Ngọc V còn khai nhận: Vào tháng 02/2018, G nhận của 06 người số tiền là 210.000.000 đồng, để làm 06 bộ hồ giả hợp thức hóa nguồn gốc của 06 xe mô tô phân khối lớn và làm thủ tục khai đăng ký xin cấp biển kiểm soát và giấy đăng ký xe mô tô, sau đó G thuê V làm giả 06 bộ hồ sơ và lấy giấy chứng minh thư photo của Phạm Toàn T, sinh năm: 1975, trú tại: C37, đường N, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nguyễn Phước L, trú tại: Hẻm số 75 đường H, phường x, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và chị Nguyễn Thị Hà M, sinh năm: 1987, trú tai: Hẻm số 75 đường H, phường x, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, mỗi người đứng tên chủ sở hữu 02 xe mô tô. G đã trả cho V số tiền 150.000.000 đồng. Khi làm xong 06 bộ hồ sơ này, V đã đưa đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lâm Đồng làm thủ tục đăng ký và được cấp các biển kiểm soát 49A1 – 004.11; 49A1 – 003.91; 49A1 – 004.10; 49A1 – 004.03; 49A1 – 004.18 và 49A1 – 004.07, cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Nhưng sau đó phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lâm Đồng đã phát hiện các hồ sơ trên là giả nên đã làm việc với G và thu hồi các giấy đăng ký xe mô tô và biển kiểm soát nêu trên. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Ngọc V và Phạm Trường G, làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, xảy ra tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng đang tiến hành xác minh làm rõ và để xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã có Công văn trao đổi thông tin tội phạm đến phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng biết để xử lý theo quy định của pháp luật, là phù hợp.

Đối với Phạm Hữu T có hành vi móc nối với đối tượng có tên Tuấn, (chưa rõ nhân thân, lai lịch) khắc làm giả 04 mẫu con dấu tròn của các Cơ quan gồm: Mẫu dấu của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; mẫu dấu của Công an huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; mẫu dấu của Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa –

Vũng Tàu và mẫu dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Mỗi con dấu làm giả T đã lấy của V số tiền là: 3.500.000 đồng. Sau khi làm xong các mẫu dấu, Tuấn thuê người chạy xe thồ cầm đến gọi điện thoại và giao cho T, nhưng T không nhận trực tiếp mà thuê Đoàn Minh T, sinh năm: 1995, trú tại: Ấp x, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, làm nghề chạy xe thồ Grap đi nhận và giao lại cho Nguyễn Ngọc V. Tổng số tiền mà Phạm Hữu T đã nhận của Nguyễn Ngọc V số tiền là 14.000.000 đồng. Sau đó, T trả cho Tuấn số tiền 12.000.000 đồng và hưởng lợi bất chính số tiền 2.000.000 đồng. Hành vi của Phạm Hữu T có dấu hiệu của tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc V xác định bị cáo không biết được các con dấu T đưa bị cáo để đưa cho Minh, Minh có dùng con dấu này để đóng vào 17 bộ hồ sơ giao lại cho bị cáo hay không. Đến nay chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch của Tuấn, vì vậy chưa làm việc được để làm rõ hành vi phạm tội của T và cũng chưa làm việc được với Minh để tiến hành thu giữ các mẫu dấu tròn nêu trên để làm cơ sở xử lý hành vi phạm tội của T. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột có Công văn trao đổi thông tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật, là phù hợp.

Đối với người nam giới có tên gọi là Minh (Minh Seri), ở quận Thủ Đức (chưa rõ nhân thân, lai lịch), nhận làm cho Nguyễn Ngọc V 17 bộ hồ giả mua xe mô tô phân khối lớn nêu trên và thu lợi bất chính số tiền 380.000.000 đồng, để V giao lại cho Phạm Trường G làm thủ tục kê khai đăng ký 17 chiếc xe mô tô tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk. Hành vi của Minh có dấu hiệu của tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự, nhưng đến nay chưa làm việc được với Minh, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột có Công văn trao đổi thông tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh biết để xử lý theo thẩm quyền đúng quy định của pháp luật, là phù hợp.

Đối với Phạm Trọng S đã nhận số tiền 39.500.000 đồng làm dịch vụ viết thuê cho Phạm Trường G 17 tờ giấy khai đăng ký xe mô tô và nộp 17 bộ hồ sơ đăng ký xe mô tô giả nêu trên, mỗi bộ hồ sơ tương ứng số tiền 2.340.000 đồng, S đã hướng dẫn vợ là Đỗ Thị Bích Đ, viết và ký ghi tên chủ sở hữu xe trên 17 tờ khai. Sau đó, S đưa 17 bộ hồ sơ này đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk nộp đăng ký thay cho G, Tuy nhiên, S và Đ không biết là các bộ hồ sơ trên đều được làm giả nên hành vi của S và Đ không đồng phạm với bị cáo Phạm Trường G về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, nên Cơ quan điều tra không đề cập đến việc xử lý hình sự đối với Phạm Trọng S và Đỗ Thị Bích Đ, là phù hợp.

Đối với Nông Thị H, Nông Thị Thanh H, Nguyễn Phúc H, Hoàng Đức T, Trần Quang B, Đỗ Minh T là những người đã cung cấp giấy chứng minh nhân dân Photo cho bị cáo Phạm Trường G để làm thủ tục đăng ký lấy sim số đẹp của Công ty viễn thông quân đội Viettel, Tuy nhiên Nông Thị H, Nông Thị Thanh H, Nguyễn Phúc

H, Hoàng Đức T, Trần Quang B, Đỗ Minh Tr không biết việc Phạm Trường G đã sử dụng các giấy chứng minh Photo này làm thủ tục đứng tên chủ sở các xe Mô tô phân khối lớn của 17 bộ hồ sơ giả nêu trên đưa đến đăng ký tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với những người này, là phù hợp.

Đối với Nông Ngọc H, Lê Minh H, Chế Minh H, Trần Anh T, Hồ Thanh H, Tăng Chiêu N, Nguyễn Thọ Phương N, Trần Anh T, Trương Chí C và 07 người nữa chưa rõ nhân thân lai lịch, liên hệ cung cấp thông tin về hình ảnh, số khung, số máy và đưa tiền cho Phạm Trường G để làm thủ tục đăng ký chủ sở hữu các xe mô tô phân khối lớn của mình. Tuy nhiên, Nông Ngọc H, Lê Minh H, Chế Minh H, Trần Anh T, Hồ Thanh H, Tăng Chiêu N, Nguyễn Thọ Phương N, Trần Anh T, Trương Chí C không biết được G đã tiến hành làm giả các bộ hồ sơ hợp thức hóa nguồn gốc xe mô tô phân khối lớn như thế nào và quá trình làm hồ sơ giả G cũng không để cho những người trên đứng tên trong các bộ hồ sơ giả nêu trên. Do chờ đợi làm hồ sơ lâu nên những người này đã yêu cầu G trả lại hết số tiền mà trước đây đã đưa cho G để làm hồ sơ xe mô tô của mình**,** hành vi của những người này không đồng phạm với Phạm Trường G về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập đến việc xử lý hình sự đối với Nông Ngọc H, Lê Minh H, Chế Minh H, Trần Anh T, Hồ Thanh H, Tăng Chiêu N, Nguyễn Thọ Phương N, Trần Anh T, Trương Chí C. Còn đối với 07 người nữa Cơ quan điều tra chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[2.4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 05 chiếc xe mô tô gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CB400, số máy: NC42E1205693, số khung: NC421800576, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Shadow, số máy: RC50E – 1500280, số khung: RC56-1000094, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CB1100, số máy SC65E1004816, số khung SC651004663, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CD125, số máy: JA03E-1000688, số khung: JA03-1000736, màu đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu Trium PH, loại xe 675, số máy: 6516239, số khung: SMTTMD4166C515169, màu đen, đây là những tài sản liên quan đến hành vi phạm tội, qua xác minh những chiếc xe trên khi mua bán đều không có hợp đồng chuyển nhượng, cũng như các giấy tờ mua bán gì khác, vì đây là các chiếc xe Mô tô không có nguồn gốc, giấy tờ chứng minh chủ sở hữu, vì vậy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 07 giấy chứng minh nhân dân bản gốc của 07 người khác nhau; 07 giấy chứng minh nhân dân phô tô đã bị cắt rách rời phần ảnh; 121 sổ hộ khẩu phô tô; 290 giấy chứng minh nhân dân phô tô; 01 cuốn sổ thể hiện việc ghi chép số tiền, có 06 trang; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 044415; 01 máy tính xách tay hiệu Vio-Sony model PCG-71913L màu trắng đen; 01 máy Panasonic, ký hiệu KX-MB1950CX có chức năng in, phô tô Scan màu đen. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Phạm Trọng S không liên quan đến vụ án và hành vi phạm tội của các

bị cáo. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại toàn bộ các tài liệu và tài sản này cho anh Phạm Trọng S nhận quản lý và sử dụng, là phù hợp.

Đối với 17 tờ giấy khai đăng ký xe, đã bị cắt rời, tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Phạm Trọng S, đây là những tờ khai do bị cáo Phạm Trường G tự viết ra để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 39.500.000 đồng mà Phạm Trọng S tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, số tiền này là tài sản sử dụng vào việc phạm tội của bị cáo Phạm Trường G nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 1.080.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân số 025659063; 01 giấy phép lái xe số 2101011; 01 giấy phép lái xe ô tô; 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Trí D, theo biển số 53S2-1643; 01 giấy đăng ký xe mô tô biên kiểm soát, mang tên Phạm Trường G; 03 biên lai thu tiền phí, lệ phí đường bộ mang tên Nguyễn Thị Hà M; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Phạm Trường G; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, màu đỏ bạc; 01 máy tính bảng có chữ Ipad màu xám Model A1709. Là tài sản và giấy tờ tuỳ thân của bị cáo Phạm Trường G không liên quan đến vụ án nên cần trả cho bị cáo G, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc xét xử, thi hành án.

Đối với 01 (một) biển số xe PHNOM PENH có chữ số 1GW-0044; 02 (hai) chìa khóa có chữ HONDA không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 03 (ba) tờ khai lệ phí trước bạ có tên người nộp thuế là: Nguyễn Thị Hà M, Nguyễn Phước L, Phạm Toàn T cùng ngày 30/5/2018; 01 (một) hóa đơn bán hàng ngày 06/4/2018, người mua hàng Huỳnh Ngọc P, địa chỉ số 59/1B, Trần Thị T, phường c, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Tạm giữ của bị cáo Phạm Trường G nhưng không còn giá trị sử dụng, nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 02 tờ giấy A4 có chữ Danh sách xe 04/2018; 02 công văn số 283 và 282/PC67 của Phòng CSGT ĐB-ĐS Công an tỉnh Đồng Nai; 06 công văn của Phòng PC67 Công an tỉnh Lâm Đồng số 73, 74, 75, 76, 77, 78 cùng ngày 01/6/2018; 06 quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người vi phạm không đến nhận số 363, 364, 367, 372, 376, 379 đều cùng ngày 06/01/2018 của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; 06 biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 363, 364, 367, 372, 376, 379 đều cùng ngày 06/01/2018 của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước là các tài liệu liên quan đến vụ án nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei 354405062595213; 01 điện thoại di động Iphone, số model A1784FCC là tài sản bị cáo Phạm Trường G sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với giấy chứng minh nhân dân số 022652919 mang tên Nguyễn Ngọc V và số tiền 5.000.000 đồng là tài sản của bị cáo Nguyễn Ngọc V không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo V, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số moder RM1172, số Imei 1: 357322082075448, số Imei 2: 357322084075446 là tài sản của bị cáo Nguyễn Ngọc V sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng là tài sản do Phạm Hữu T giao nộp, đây là tài sản liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 1.800.000 đồng, do Nguyễn Minh T, giao nộp, đây là tài sản liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[2.5] Về án phí: Các bị cáo Phạm Trường G, Nguyễn Ngọc V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Trường G, Nguyễn Ngọc V phạm tội *" Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo Phạm Trường G **03 năm 06 tháng** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 19/8/2018).

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V **03 năm 06 tháng** tù, Khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 19/8/2018 đến ngày 22/5/2019 là 09 tháng 02 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 02 năm 08 tháng 28 ngày.

Tổng hợp hình phạt 02 năm tù của bản án số 10/2017/HSST ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/01/2017 đến ngày 18/01/2017 là 17 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 01 năm 11 tháng 13 ngày.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **04 năm 08 tháng 11 ngày** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

*** Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với 05 chiếc xe mô tô gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CB400, số máy: NC42E1205693, số khung: NC421800576, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Shadow, số máy: RC50E – 1500280, số khung: RC56-1000094, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CB1100, số máy SC65E1004816, số khung SC651004663, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe CD125, số máy: JA03E-1000688, số khung: JA03-1000736, màu đen, 01 xe mô tô

nhãn hiệu Trium PH, loại xe 675, số máy: 6516239, số khung: SMTTMD4166C515169, màu đen.

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả cho ông Phạm Trọng S các tài sản: 07 giấy chứng minh nhân dân bản gốc của 07 người khác nhau; 07 giấy chứng minh nhân dân phô tô đã bị cắt rách rời phần ảnh; 121 sổ hộ khẩu phô tô; 290 giấy chứng minh nhân dân phô tô; 01 cuốn sổ thể hiện việc ghi chép số tiền, có 06 trang; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 044415; 01 máy tính xách tay hiệu Vio-Sony model PCG-71913L màu trắng đen; 01 máy Panasonic, ký hiệu KX-MB1950CX có chức năng in, phô tô Scan màu đen. Là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với số tiền 39.500.000 đồng mà Phạm Trọng S tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, số tiền này là tài sản sử dụng vào việc phạm tội của bị cáo Phạm Trường G.

- Trả cho bị cáo Phạm Trường G số tiền 1.080.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân số 025659063; 01 giấy phép lái xe số 2101011; 01 giấy phép lái xe ô tô; 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Trí D, theo biển số 53S2-1643; 01 giấy đăng ký xe mô tô biên kiểm soát, mang tên Phạm Trường G; 03 biên lai thu tiền phí, lệ phí đường bộ mang tên Nguyễn Thị Hà M; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Phạm Trường G; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, màu đỏ bạc; 01 máy tính bảng có chữ Ipad màu xám Model A1709. Là tài sản và giấy tờ tuỳ thân của bị cáo Phạm Trường G không liên quan đến vụ án, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc xét xử, thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) biển số xe PHNOM PENH có chữ số 1GW-0044; 02 (hai) chìa khóa có chữ HONDA không còn giá trị sử dụng.

- Đối với 03 (ba) tờ khai lệ phí trước bạ có tên người nộp thuế là: Nguyễn Thị Hà M, Nguyễn Phước L, Phạm Toàn T cùng ngày 30/5/2018; 01 (một) hóa đơn bán hàng ngày 06/4/2018, người mua hàng Huỳnh Ngọc P, Trần Thị T, phường x, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Tạm giữ của bị cáo Phạm Trường G nhưng không còn giá trị sử dụng, nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 17 tờ giấy khai đăng ký xe, đã bị cắt rời, tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Phạm Trọng S, đây là những tờ khai do bị cáo Phạm Trường G tự viết ra để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 02 tờ giấy A4 có chữ Danh sách xe 04/2018; 02 công văn số 283 và 282/PC67 của Phòng CSGT ĐB-ĐS Công an tỉnh Đồng Nai; 06 công văn của Phòng PC67 Công an tỉnh Lâm Đồng số 73, 74, 75, 76, 77, 78 cùng ngày 01/6/2018; 06 quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người vi phạm không đến nhận số 363, 364, 367, 372, 376, 379 đều cùng ngày 06/01/2018 của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; 06 biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 363, 364, 367, 372, 376, 379 đều cùng ngày 06/01/2018 của Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước là các tài liệu liên quan đến vụ án nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei 354405062595213; 01 điện thoại di động Iphone, số model A1784FCC là tài sản bị cáo Phạm Trường G sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho Nguyễn Ngọc V giấy chứng minh nhân dân số 022652919 mang tên Nguyễn Ngọc V và số tiền 5.000.000 đồng là tài sản của bị cáo Nguyễn Ngọc V không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số moder RM1172, số Imei 1: 357322082075448, số Imei 2: 357322084075446 là tài sản của bị cáo Nguyễn Ngọc V sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với số tiền 2.000.000 đồng là tài sản do Phạm Hữu T giao nộp, đây là tài sản liên quan đến việc phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với số tiền 1.800.000 đồng, do Nguyễn Minh T, giao nộp, đây là tài sản liên quan đến việc phạm tội.

(Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/5/2019 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột)

**** Về án phí:*** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Trường G, Nguyễn Ngọc V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Cúc